

CÔNG TY TNHH MALIDOSE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MALIDOSE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MALIDOSE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110867324

3. Ngày thành lập: 18/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 19 ngách 52/19 Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986224011

Fax:

Email: Minhdiennntb@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
5.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
6.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
7.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
8.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
9.	Sản xuất đường	1072
10.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
11.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
12.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
13.	Sản xuất chè	1076
14.	Sản xuất cà phê	1077
15.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
16.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện Nhà nước cho phép)	1080
17.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện Nhà nước cho phép)	1101
18.	Sản xuất rượu vang	1102
19.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
20.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104

21.	Sản xuất sợi	1311
22.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
23.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
24.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
25.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
26.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
27.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
28.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
29.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
30.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
31.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
32.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
33.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
34.	Sản xuất giày, dép	1520
35.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
36.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
37.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
38.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
39.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
40.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
41.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
42.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
43.	In ấn	1811
44.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
45.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại nhà nước cấm)	1820
46.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
47.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
48.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
49.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
50.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
51.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
52.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
54.	Sản xuất điện (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo qui định của pháp luật)	3511

55.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
56.	Xây dựng nhà để ở	4101
57.	Xây dựng nhà không để ở	4102
58.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
59.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
60.	Xây dựng công trình điện	4221
61.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
62.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
63.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
64.	Xây dựng công trình thủy	4291
65.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
66.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
67.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
68.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311
69.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
70.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
71.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
72.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
73.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
74.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
75.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
76.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
77.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
78.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
79.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
80.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
81.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
82.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543

83.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
84.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn được phẩm)	4649
85.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
86.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
87.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
88.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
89.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
90.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
91.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
92.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
93.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
94.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
95.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
96.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
97.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
98.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
99.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết - Logistics - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển (Trừ hoạt động dịch vụ hàng không và hoa tiêu)	5229
102.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
103.	Cơ sở lưu trú khác	5590

104.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
105.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
106.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
107.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
108.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
109.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Trừ tư vấn pháp luật) - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
110.	Cho thuê xe có động cơ	7710
111.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
112.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Loại trừ dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá độc lập, dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
113.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
114.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
115.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)	8559
116.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục - Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	8560

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN MINH DIỄN	Việt Nam	Thôn Cổ Dững 1, Xã Đông La, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	475.000.000	95,000	034096014008	
2	PHẠM ĐÌNH ĐỨC	Việt Nam	Thôn Bắc Bình Cách, Xã Đông Xá, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	25.000.000	5,000	034203002731	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN MINH DIỄN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 04/01/1996 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034096014008

Ngày cấp: 03/06/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Thôn Cổ Dũng 1, Xã Đông La, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Cổ Dũng 1, Xã Đông La, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội